|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN**  **TỔ: SỬ - ĐỊA** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I**  **MÔN ĐỊA LÝ 11 (NĂM HỌC 2021 – 2022)** |
|  |  |

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Bài 1: SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI**

**Câu 1.** Đặc điểm chung của nhóm các nước đang phát triển là

A. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức cao, nợ nước ngoài nhiều.

B. GDP bình quân đầu người cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

C. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

D. năng suất lao động xã hội cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

**Câu 2:** Ý nào sau đây *không phải* là đặc điểm chung của nhóm các nước kinh tế phát triển?

A. Đầu tư nước ngoài lớn. B. Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn.

C. Chỉ số phát triển con người (HDI) cao. D. Thu nhập bình quân đầu người không cao.

**Câu 3:** “Trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt trình độ phát triển nhất định về công nghiệp” là đặc điểm nổi bật của nhóm nước

A. công nghiệp mới. B. kinh tế đang phát triển.

C. kinh tế phát triển D. chậm phát triển.

**Câu 4**. Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là

A. khu vực II rất cao, Khu vực I và III thấp B. khu vực I rất thấp, Khu vực II và III cao

C. khu vực I và III cao, Khu vực II thấp D. khu vực I rất thấp, Khu vực III rất cao

**Câu 5**: Các nước phát triển tập trung chủ yếu ở khu vục nào sau đây?  
A. Bắc Mĩ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a. B. Nam Mĩ, Tây Âu, Ô-trây –li-a.

C. Bắc Mĩ, Đông Nam Á, Tây Âu. D. Bắc Mĩ, Đông Á, Ô–xtrây-li-a.

**Câu 6.** Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự khác biệt về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển là

A. Trình độ phát triển kinh tế. B.Sự phong phú về tài nguyên.

C. Sự đa dạng về thành phần chủng tộc. D.Sự phong phú về nguồn lao động.

**Câu 7**. Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là:

A. Môi trường sống thích hợp. B.Chất lượng cuộc sống cao.

C. Nguồn gốc gen di truyền. D.Làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

**Câu 8**. Châu lục có tuổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là

A. Châu Âu B. Châu Á C. Châu Mĩ D. Châu Phi

**Câu 9**. Cho bảng số liệu: *GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm 2013*

(Đơn vị: USD)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các nước phát triển | | Các nước đang phát triển | |
| Tên nước | GDP/người | Tên nước | GDP/người |
| Thủy Điển | 60318 | Cô –lôm –bi-a | 7831 |
| Hoa Kì | 52042 | In –đô-nê-xi-a | 3475 |
| Nuiu Di –lân | 41821 | Ấn Độ | 1498 |
| Anh | 41781 | Ê-ti-ô-pi-a | 505 |

Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Các nước phát triển có GDP/người đều trên 60 nghìn USD

B. GDP/người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển

C. Các nước đang phát triển không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người

D. Không có sự chênh lệch nhiều về GDP/người giữa các nhóm nước

**Câu 10:** Cho bảng số liệu:

*Cơ cấu GDP phân theo khu vực của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a năm 2013* (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nước | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| Thủy Điển | 1,4 | 25,9 | 72,7 |
| Ê-ti-ô-pi-a | 45,0 | 11,9 | 43,1 |

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô, cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a là:

A. Biểu đồ cột B. Biểu đồ đường C. Biểu đồ tròn D.Biểu đồ miền

**Tiết 2- Bài 2: XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**Câu 11.** Toàn cầu hóa là quá trình

A. mở rộng thị trường của các nước phát triển. B. thu hút vồn đầu tư của các nước đang phát triển.

C. hợp tác về phân công lao động trong sản xuất.

D. liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều lĩnh vực.

**Câu 12**. Các hoạt động dịch vụ thu hút đầu tư nước ngoài mạnh nhất hiện nay là

A. viễn thông, y tế, vận tải biển. B. văn hóa, giáo dục, khoa học.

C. tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. D. chứng khoán, bất động sản, hàng không.

**Câu 13**. Tiêu cực của quá trình khu vực hóa đòi hỏi các quốc gia

A. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế. B. tự do hóa thương mại toàn cầu.

C. thúc đẩy kinh tế chậm phát triển. D. tự chủ về kinh tế, quyền lực.

**Câu 14**. WTO là tên viết tắt của tổ chức nào sau đây?  
A. Tổ chức Thương mại thế giới. B. Liên minh châu Âu.

C. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mĩ. D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

**Câu 15**: Biểu hiện của thị trường tài chính quốc tế được mở rộng là

A. Sự sáp nhập cuả các ngân hàng lại với nhau

B. Nhiều ngân hàng được nối với nhau qua mạng viễn thông điện tử

C. Sự kết nối giữa các ngân hàng lớn với nhau

D. Triệt tiêu các ngân hàng nhỏ

**Câu 16.** Các tổ chức tài chính quốc tế nào sau đây ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế toàn cầu?

A. Ngân hàng châu Âu, Quỹ tiền tệ quốc tế B.Ngân hàng châu Á, Ngân hàng châu Âu

C. Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế D.Ngân hàng châu Á, Ngân hàng Thế giới

**Câu 17:** Ý nào sau đây không phải là mặt thuận lợi của toàn cầu hóa kinh tế?  
A. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu. B. Đẩy nhanh đầu tư.

C. Gia tăng khoảng cách giảu nghèo, cạnh tranh giữa các nước. D. Tăng cường sự hợp tác quốc tế.

**Câu 18:** Cơ sở quan trọng để hình thành các tổ chức liên kết khu vực là  
A. vai trò quan trọng của các công ty xuyên quốc gia.

B. xuất hiện những vấn đề mang tính toàn cầu.

C. sự phân hóa giàu – nghèo giữa các nhóm nước.

D. sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội

**Câu 19:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm của các công ty xuyên quốc gia?

A. Hoạt động mạnh trong lĩnh vực du lịch. B. Phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia.

C. Chi phối các ngành kinh tế quan trọng. D. Có nguồn của cải vật chất rất lớn.

**Câu 20:** Ý nghĩa tích cực của tự do hóa thương mại mở rộng là

A. tạo thuận lợi cho tài chính quốc tế phát triển.

B. nâng cao vai trò cuat các công ty đa quốc gia.

C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới.

D. hàng hóa có điều kiện lưu thông rộng rãi.

**BÀI 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU**

**Câu 21:** Nguyên nhân gây nên hiệu ứng nhà kính là

A. sự gia tăng khí CO2 trong khí quyển. B. khí thải CFCs quá nhiều trong khí quyển.

C. tầng ô dôn mỏng dần và thủng ở Nam cực. D. chất thải ra môi trường không qua xử lý.

**Câu 22:** Nguồn nước ngọt bị ô nhiễm nghiêm trọng nhất hiện nay là

A. nước khoáng. B. nước ngầm C. nước mưa. D. nước sông, hồ.

**Câu 23:** Việc suy giảm và thủng tầng ô – dôn gây hậu quả gì sau đây?  
A. Gia tăng hiện tương mưa axít. B. Băng tan ở hai cực.

C. Nhiệt độ Trái Đất tăng lên. D. Mất lớp bảo vệ Trái Đất.

**Câu 24.** Sự suy giảm đa dạng sinh học dẫn tới những hậu quả gì?

A. Khan hiếm nguồn nước ngọt xảy ra ở nhiều nơi.

B. Cuộc chiến sinh tồn khốc liệt của động vật hoang dã.

C. Mất đi nhiều loài gen, nguồn thuốc, nguồn thực phẩm.  
D. Thu hẹp không gian sống của các loài sinh vật.

**Câu 25**. Biểu hiện của xu hướng già hóa dân số là:

A. Tỉ lệ người dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ người trên 65 tuổi tăng.

B. Tỉ lệ người dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ người trên 65 tuổi giảm.

C. Tỉ lệ người dưới 15 tuổi tăng, tỉ lệ người trên 65 tuổi tăng.

D. Tỉ lệ người dưới 15 tuổi tăng, tỉ lệ người trên 65 tuổi giảm.

**Câu 26:** Tầng ôdôn bị thủng là do

A. sự tăng lượng CO2 trong khí quyển. B. khí thải CFCs trong khí quyển.

C. nhiệt độ Trái Đất tăng lên. D. chất thải từ ngành công nghiệp.

**Câu 27:** Tác động trực tiếp của hiện tượng hiệu ứng nhà kính là

A. tan băng ở hai cực Trái Đất. B. mực nước biển dâng cao hơn.

C. nhiệt độ toàn cầu nóng lên. D. xâm nhập mặn vào sâu nội địa hơn.

**Câu 28:** Nguyên nhân lớn nhất gây ô nhiễm biển và đại dương là

A. sự cố đắm tàu, rửa tàu, tràn dầu trên biển và đại dương.

B. chất thải công nghiệp không quá xử lý đổ vào biển và đại dương.

C. chất thải sinh hoạt không quá xử lý đổ vào biển và đại dương.

D. đánh bắt cá bằng chất nổ.

**Câu 29:** Biện pháp giúp cân bằng giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên và giải quyết các vấn đề xã hội mà nhân loại đang hướng tới là :

A.Phát triển theo chiều rộng B. Phát triển theo chiều sâu

C.Phát triển nhanh D. Phát triển bền vững

**Câu 30**. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, giai đoạn 2000 – 2005  
 (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm tuổi  Nhóm nước | 0 – 14 | 15 – 64 | 65 trở lên |
| Đang phát triển | 32 | 63 | 5 |
| Phát triển | 17 | 68 | 15 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của các nước phát triển và đang phát triển trong thời kì 2000 – 2005 là gì?  
A. Biều đồ đường. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ tròn D. Biểu đồ cột

**BÀI 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU PHI**

**Câu 31**: Đại bộ phận lảnh thổ châu Phi là cảnh quan

A. hoang mạc và rừng cận nhiệt đới khô. B. hoang mạc, bán hoang mạc và xavan.

C. xavan và rừng xích đạo. D. rừng cận nhiệt đới khô và xavan.

**Câu 32:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là

A. khô nóng B. lạnh khô C. nóng ẩm D. lạnh ẩm

**Câu 33:** Nhận xét đúng nhất về thực trạng tài nguyên của Châu Phi

A. khoáng sản nhiều, đồng cỏ và rừng xích đạo diện tích rộng lớn

B. khoáng sản và rừng đang bị khai thác quá mức.

C. khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

D. trữ lượng lớn về vàng, kim cương, dầu mỏ, phốt phát nhưng chưa được khai thác.

**Câu 34**. Ý nào sau đây không phải là đặc điểm dân cư – xã hội châu Phi?  
A. Trình độ dân trí thấp. B. Nhiều hủ tục lạc hậu, bệnh tật.

C. Xung đột sắc tộc, đói nghèo. D. Chỉ số phát triển con người cao.

**Câu 35**: Một trong những đặc điểm dân cư – xã hội nổi bật của châu Phi là

A. dân số đông, tăng rất chậm. B. gia tăng dân số tự nhiên thấp.

C. tỉ lệ nhóm người trên 60 tuổi cao. D. tuổi thọ trung bình thấp.

**Câu 36:** Ý nào sau đây không phải là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của châu Phi?  
A. nạn nhập cư bất hợp pháp. B. quản lý yếu kém, hậu quả của sự thống trị lâu dài.

C. xung đột sắc tộc, tôn giáo. D. trình độ dân trí thấp.

**Câu 37**: Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia ở châu Phi là

A. Mở rộng mô hình sản xuất quảng canh.

B. Khai hoang để mở rộng diện tích đất trồng trọt.

C. Tạo ra các giống cây có thể chịu được khô hạn.

D. Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**Câu 38:** Hiện nay, những vấn đề nào đã và đang đe dọa cuộc sống của người dân châu Phi?  
A. Tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh. B. Tình trạng mù chữ, thất học gia tăng.

C. Xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật. D. Phân bố dân cư không đều, nội chiến.

**Câu 39:** Đầu tư của nước ngoài vào châu Phi tập trung chủ yếu vào ngành :

A. Nông nghiệp B. Dịch vụ

C. Công nghiệp có trình độ cao D. Khai thác khoáng sản

**Câu 40:** Nguyên nhân sâu xa của “vòng luẩn quẩn” : nghèo đói, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mất cân bằng sinh thái ở châu Phi là do :

A. Nợ nước ngoài quá lớn, không có khả năng trả

B. Do hậu quả sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản trước kia

C. Tình trạng tham nhũng, lãng phí kéo dài

D. Dân số gia tăng quá nhanh

**BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA MĨ LA TINH**

**Câu 41:** Loại khoáng sản nổi bật của Mĩ Latinh là ?

A. dầu mỏ, khí đốt. B. kim loại màu, kim loại quý và nhiên liệu.

C. kim loại đen, kim loại quý. D. than đá, dầu khí.

**Câu 42:** Tài nguyên đất và khí hậu của Mĩ La- tinh rất thuận lợi cho phát triển

A. chăn nuôi gia cầm, thâm canh lúa nước. B. thâm canh lúa nước, cây ăn quả cận nhiệt.

C. chăn nuôi đại gia súc, cây công nghiệp nhiệt đới. D. cây ăn quả nhiệt đới, cây dược liệu.

**Câu 43**: Đặc điểm kinh tế nổi bật của hầu hết các nước Mĩ La-tinh là  
A. dựa vào xuất khẩu hàng công nghiệp. B. phát triển ổn định, độc lập và tự chủ.

C. tốc độ tăng trưởng cao. D. tốc độ phát triển không đều.

**Câu 44:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm dân cư, xã hội của Mĩ La –tinh?

A. Số dân sống dưới mức nghèo khổ đông. B. Đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

C. Chênh lệch giàu nghèo rõ rệt. D. Hiện tượng đô thị hóa tự phát.

**Câu 45**: Tình trạng đô thị hóa tự phát ở Mĩ La Tinh là do

A. nền công nghiệp phát triển quá nhanh.

B. dân nghèo không có ruộng kéo ra thành phố tìm việc làm.

C. năng suất nông nghiệp lạc hậu quá thấp.

D. sự xâm lược ồ ạt của các nước đế quốc.

**Câu 46**: Nguyên nhân nào sau đây làm cho nền kinh tế của Mĩ La- tinh phát triển chậm, thiếu ổn định và phụ thuộc vào nước ngoài?  
A. Thiếu đường lối phát triển độc lập, tự chủ. B. Sự biến động mạnh của thị trường thế giới.

C. Cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu. D. Tác động của CM khoa học và công nghệ hiện đại.

**Câu 47:** Hiện nay, tình hình kinh tế của Mĩ La –tinh đang từng bước được cải thiện nhờ áp dụng biện pháp nào?  
A. Củng cố bộ máy nhà nước, cải cách kinh tế, phát triển giáo dục

B. Tiếp tục duy trì cơ cấu xã hội phong kiến.

C. Thực hiện cải cách ruộng đất không triệt để.

D. Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa tự phát.

**Câu 48:** Nền kinh tế các nước Mĩ La – tinh phát triển chậm không phải do

A. Tình hình chính trị không ổn định

B. Hạn chế về điều kiện tự nhiên và nguồn lao động

C. Phụ thuộc vào các công ti tư bản nước ngoài

D. Người dân không có ruộng đất di cư ồ ạt ra thành phố.

**Câu 49**: Cho bảng số liệu: GDP và nợ nước ngoài của một số nước Mĩ Latinh năm 2004( tỉ USD)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quốc gia* | *Bra-xin* | *Chi-lê* | *Ác-hen-ti-na* |
| GDP | 605,0 | 94,1 | 151,5 |
| Tổng số nợ | 220,0 | 44,6 | 158,0 |

Dựa vào bảng số liệu trên, biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện GDP và nợ nước ngoài của các quốc gia?

A. Cột ghép. B. Cột chồng. C. Miền. D. Đường.

**Câu 50:** Cho bảng số liệu:

*Tổng thu nhập quốc dân và tổng số nợ của một số quốc gia ở Mĩ La –tinh.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Quốc gia* | *GDP (tỉ USD)* | *Tổng số nợ(tỉ USD)* |
| Vê nê xu ê la | 109,3 | 33,3 |
| Pa na ma | 13,8 | 8,8 |
| Chi Lê | 94,1 | 44,6 |
| Ha mai ca | 8,0 | 6,0 |

Cho biết nước nào có tỉ lệ nợ cao nhất ở Mĩ Latinh?

A. Vê nê xu ê la B. Pa na ma. C. Chi lê. D. Ha mai ca.

**BÀI 6. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ TRUNG Á**

**Câu 51:** Tây Nam Á nằm ở vị trí cầu nối giữa ba châu lục nào sau đây?  
A. Âu – Á – Phi. B. Âu – Á – Úc.

C. Á – Âu – Mĩ. D. Á – Mĩ – Phi.

**Câu 52:** Tài nguyên giàu có nhất ở Tây Nam Á là

A. kim cương. B. quặng đồng C. dầu khí D. kim loại màu

**Câu 53**: Ngành trồng bông và một số cây công nghiệp có khả năng phát triển ở Trung Á nếu

A. phát triển thủy lợi. C. phát triển công nghiệp chế biến.

B. tăng khả năng xuất khẩu. D. đào tạo nhân công lành nghề.

**Câu 54**: Đặc điểm khí hậu nổi bật ở Trung Á là

A. nóng ẩm B. lạnh ẩm. C. khô hạn. D. ẩm ướt.

**Câu 55**: Đặc điểm nổi bật về xã hội của khu vực Trung Á là

A. đa dân tộc, thưa dân và tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

B. trình độ dân trí thấp, bùng nổ dân số và nghèo đói.

C. nhiều hủ tục lạc hậu, đô thị hóa tự phát và đói nghèo.

D. đói nghèo, di dân tự phát và đói nghèo.

**Câu 56**: Điểm tương đồng về kinh tế - xã hội giữa các nước Trung Á và Tây Nam Á là :

A. Chịu ảnh hưởng sâu, rộng của đạo Hồi. B. Bùng nổ dân số và nghèo đói.

C. Thu nhập bình quân đầu người cao D. Có thế mạnh về sản xuất nông, lâm, hải sản

**Câu 57:** Điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của khu vực Tây Nam Á và Trung Á là

A. đều có khí hậu cận nhiệt và ôn đới. B. đều có khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc.

C. đều không tiếp giáp với đại dương. D. đều có nhiều cao nguyên và đông bằng.

**Câu 58**: Nguyên nhân sâu xa gây nên tình trạng mất ổn định của khu vực Tây Nam Á và Trung Á là

A. dầu mỏ và vị trí địa chính trị quan trọng.

B. tôn giáo và các thế lực thù địch chống phá.

C. xung đột dai dẳng giữa người Ả- rập và người Do Thái.

D. tranh giành đất đai và nguồn nước.

**Câu 59 :** Cho bảng số liệu sau

Sản lượng dầu thô khai thác ở một số khu vực của thế giới năm 2003

*(đơn vị = nghìn thùng/ ngày)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khu vực | Đông Á | Đông Nam Á | Trung Á | Tây Nam Á | Đông Âu | Tây Âu | Bắc Mỹ |
| Nghìn thùng/ ngày | 3414,8 | 2584,4 | 1172,8 | 21356,6 | 8413,2 | 6882,2 | 7986,4 |

Để thể hiện sản lượng dầu thô khai thác ở một số khu vực của thế giới năm 2003 (nghìn thùng/ ngày), biểu đồ nào sau đây là thích hơp nhất?

A. Biểu đồ tròn.             B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ đường.                        D. Biều đồ miền.

**Câu 60**: Trung Á có nền văn hóa phong phú, tiếp thu cả giá trị văn hóa của phương Đông và phương Tây nhờ vào

A. giáp Trung Quốc và Liên Bang Nga. B. có con đường tơ lụa đi qua.

C. giáp Ấn Độ và Đông Âu. D. giao thông thuận lợi.

|  |
| --- |
| **BÀI 6. HỢP CHỦNG QUỐC HOA KÌ** |

**Câu 61**: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kì?  
A. Nằm ở bán cầu Bắc và tiếp giáp ở phía nam là Mê –hi –cô.

B. Tiếp giáp với Ca-na-đa và khu vực Mĩ La –tinh.

C. Nằm ở trung tâm Bắc Mĩ và tiếp giáp phía tây với Thái Bình Dương.

D. Nằm ở giữa hai đại dương lớn là Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

**Câu 62**: Hình dạng cân đối của lãnh thổ Hoa Kì ở phần đất trung tâm Bắc Mĩ thuận lợi cho

A. phân bố dân cư và khai thác khoáng sản.

B. phân bố sản xuất và phát triển giao thông.

C. thuận lợi giao lưu với Tây Âu qua Đại Tây Dương.

D. Dễ dàng giao thông giữa miền Tây và miền Đông đất nước.  
**Câu 63:** Hoa Kì có dân số đông và tăng nhanh chủ yếu là do

A. tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao. B. tỉ lệ gia tăng tự nhiên tăng.

C. dân nhập cư đông. D. chuyển cư nội vùng.

**Câu 64:** Phát biểu nào sau đây đúng nhất về đặc điểm phân bố dân cư Hoa Kì?

A. Dân cư phân bố rộng khắp lãnh thổ. B. Dân cư phân bố không đồng đều.

C. Dân cư đông đúc ở vùng phía tây. D. Dân cư thưa thớt ở vùng phía đông.

**Câu 65**: Quần đảo Ha-oai có tiềm năng rất lớn về

A. hải sản và du lịch. B. dầu khí và kim loại màu.

C. thủy sản và khoáng sản. D. than đá và thủy điện.

**Câu 66:** Nhận định nào sau đây là không chính xác về đặc điểm dân cư của Hoa Kì?

A. Hoa Kì có số dân đông thứ ba trên thế giới.

B. Hoa Kì là đất nước của những người xuất cư.

C. Thành phần dân cư Hoa Kì rất đa dạng.

D. Phân bố dân cư Hoa Kì không đồng đều.

**Câu 67**: Đặc điểm nào sau đây giúp Hoa Kì hạn chế được những tiêu cực của đô thị hóa?

A. Dân sống ở thành thị đều có trình độ cao. B.Tỉ lệ dân thành thị thuộc loại cao thế giới.

C. Dân sống trong các thành phố vừa và nhỏ. D.Cơ sở hạ tầng đô thị vào loại nhất thế giới.

**Câu 68**: Các bang vùng Đông Bắc là nơi có mật độ dân cư đông đúc nhất Hoa Kì vì

A. nơi đây tập trung nhiều thành phố lớn. B. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

C. có địa hình thấp thuận tiện giao thông. D. có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ.

**Câu 69**: Biết diện tích của Hoa Kì là 9831,5 nghìn km2 và số dân giữa năm 2015 là 321, 2 triệu người, vậy mật độ dân số Hoa Kì thời điểm đó là

A. 306 người/km2 B. 33 người/km.C. 30,6 người/km2 D. 33 người/km2

**Câu 70:** Cho bảng số liệu:

Một số chỉ tiêu về dân số Hoa Kì

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1950 | 2004 |
| Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (%) | 1,5 | 0,6 |
| Tuổi thọ trung bình (tuổi) | 70,8 | 78,0 |
| Nhóm dưới 15 tuổi | 27,0 | 20,0 |
| Nhóm trên 65 tuổi | 8,0 | 12,0 |

Nhận xét nào sau đây đúng nhất:  
A. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kì có nhiều biến động.

B. Tuổi thọ trung bình của dân số Hoa Kì có xu hướng giảm.

C. Dân số Hoa Kì đang có xu hướng già hóa.

D. Số người trong độ tuổi lao động của Hoa Kì tăng nhanh.

**Câu 71**. Ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kì là:

A. Nông nghiệp B. Ngư nghiệp C. Tiểu thủ công nghiệp D. Công nghiệp

**Câu 72**. Ngành công nghiệp khai khoáng của Hoa Kì đứng đầu thế giới về khai thác:

A. Vàng, bạc B. Đồng, chì C. Phốt phát, môlipđen. D. Dầu mỏ.

**Câu 73:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu công nghiệp của Hoa Kì là sản phẩm của ngành

A. công nghiệp khai khoáng. B. công nghiệp dệt – may.

C. công nghiệp chế biến. D. công nghiệp điện lực.

**Câu 74**: Hiện nay, sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ đang mở rộng xuống vùng

A. phía Tây Bắc và ven Thái Bình Dương. B. phía Nam và ven Thái Bình Dương.

C. phía Đông Nam và ven vịnh Mêhicô. D. ven Thái Bình Dương và ven vịnh Mêhiô.

**Câu 75**: Ngành nào sau đây hoạt động khắp thế giới, tạo nguồn thu lớn và lợi thế cho kinh tế của Hoa Kì?  
A. Ngân hàng và tài chính. B. Du lịch và thương mại.  
C. Hàng không và viễn thông. D. Vận tải biển và du lịch.

**Câu 76**: Nhận xét đúng về các nguồn năng lượng của công nghiệp điện lực Hoa Kì là

A. chỉ gồm năng lượng thủy điện và nhiệt điện.

B. đa dạng từ nhiệt điện, điện nguyên tử, thủy điện, địa nhiệt, gió, mặt trời.

C. gồm năng lượng điện nguyên tử, thủy điện, nhiệt điện.

D. chỉ phát triển điện nguyên tử và thủy điện.

**Câu 77:** Các ngành hàng không – vũ trụ, hóa dầu, công nghệ thông tin phân bố tập trung ở khu vực nào của Hoa Kì?  
A. Vùng núi Cooc-đi-e và ven Ngũ Hồ. B. Phía nam và vùng Trung tâm.

C. Ven Thái Bình Dương và phía nam. D. Vùng Đông Bắc và ven Ngũ Hồ.

**Câu 78**: Nhận định nào không đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay:

A. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế Hoa Kì B. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP

C. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch D. Hoạt động dịch vụ rất đa dạng

**Câu 79**: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu xuất, nhập khẩu của Hoa Kì giai đoạn 1995 – 2004 *(Đơn vị %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
| 1995 | 43,1 | 56,9 |
| 2004 | 34,9 | 65,1 |

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô và cơ cấu xuất, nhập khẩu của Hoa Kì năm 1995 và  năm 2004 là

A. Miền. B. Tròn. C. Đường. D. Cột chồng.

**Câu 80**: Cho bảng số liệu:

Tỉ trọng cơ cấu các ngành công nghiệp Hoa Kì giai đoạn 1990 – 2010

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2000 | 2005 | 2008 | 2010 |
| Nông – lâm –ngư nghiệp | 2,1 | 1,2 | 1,2 | 1,2 | 0,9 |
| Công nghiệp – xây dựng | 27,6 | 23,4 | 22,2 | 21,2 | 19,8 |
| Dịch vụ | 70,3 | 75,4 | 76,6 | 75,6 | 79,3 |

Nhận xét nào sau đây không chính xác:

A. Ngành nông – lâm – ngư nghiệp luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm.

B. Ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỉ trọng khá cao và có xu hướng tăng.

C. Ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất và có xu hướng tăng.

D. Ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỉ trọng khá cao và có xu hướng giảm dần.

**BÀI 7: LIÊN MINH CHÂU ÂU**

**Câu 81:** Sự phát triển vững mạnh của Liên minh châu Âu EU không biểu hiện ở ý nào sau đây?  
A. Số lượng các thành viên liên tục tăng.

B. Không ngừng mở rộng về không gian lãnh thổ.

C. Sự hợp tác liên kết được mở rộng và chặt chẽ hơn.

D. Chênh lệch trình độ phát triển kinh tế ngày càng tăng.

**Câu 82:** Có tỉ lệ diện tích và dân số nhỏ nhưng chiếm tỉ lệ lớn trong tổng GDP, trong xuất khẩu, trong viện trợ phát triển thế giới...Điều đó chứng tỏ EU là

A. Một tổ chức thương mại hàng đầu thế giới. B. Một trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

C. Một trung tâm dịch vụ của thế giới. D. Một trung tâm xuất khẩu của thế giới.

**Câu 83:** Có tỉ lệ diện tích và dân số nhỏ nhưng chiếm tỉ lệ lớn trong xuất khẩu của thế giới, có chung một mức thuế quan trong quan hệ thương mại với nước ngoài, dỡ bỏ hàng rào thuế quan trong buôn bán nôi khối..Điều này chứng tỏ EU là

A. Một trung tâm thương mại hàng đầu thế giới. B. Một trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

C. một trung tâm dịch vụ của thế giới. D. một trung tâm xuất khẩu của thế giới.

**Câu 84:** Gần đây có một sự kiện lần đâu tiên xảy ra và có tác động đến số lượng thành viên của EU là

A. Người dân Pháp đã đồng ý ra khỏi EU. B. Người dân Anh đã đồng ý ra khỏi EU.

C. Người dân Bỉ đã đồng ý ra khỏi EU. D. Chính phủ Bê – la – rút xin gia nhập EU.

**Câu 85**: Cho bảng số liệu:

Tỉ trọng GDP, số dân của EU và một số nước trên thế giới năm 2014

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ số  Các nước, khu vực | GDP | Số dân |
| EU | 23,7 | 7,0 |
| Hoa Kì | 22,2 | 4,4 |
| Nhật Bản | 5,9 | 1,8 |
| Trung Quốc | 13,7 | 18,8 |
| Ấn Độ | 2,6 | 17,8 |
| Các nước còn lại | 31,9 | 50,2 |

Dựa vào bảng số liệu trên cho biết, để thể hiện được tỉ trọng GDP, số dân của EU và một số nước trên thế giới, biểu đồ thích hợp là

A.Biểu đồ đường. B.Biểu đồ miền.

C.Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ kết hợp.

**Câu 86:** Nước nằm gữa châu Âu, nhưng hiện nay chưa gia nhập EU là

A. Thụy Sĩ.       B.Ai-len. C. Na Uy.        D.Bỉ.

**Câu 87:** Tự do di chuyển bao gồm:

A.Tự do cư trú, lựa chọn nơi làm việc, dịch vụ kiểm toán.

B.Tự do đi lại, cư trú, dịch vụ vận tải.

C.Tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

D.Tự do đi lại, cư trú, dịch vụ thông tin liên lạc.

**Câu 88**: Tự do lưu thông hàng hóa là

A.Tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

B. Tự do đối với các dịch vụ vận tải du lịch.

C. Bãi bỏ các hạn chế đối với giao dịch thanh toán.

D.Hàng hóa bán ra của mỗi nước không chịu thuế giá trị gia tăng.

**Câu 89:** Các nước sáng lập và phát triển tổ hợp công nghiệp hàng không E-bớt gồm:

A. Đức, Pháp, Tây Ban Nha. B. Đức, Pháp, Đan Mạch.

C. Đức, Pháp, Anh. D. Đức, Pháp, Thụy Điển.

**Câu 90**: Đường hầm giao thông dưới biển nối Anh với châu Âu lục địa nằm trên biển

A. Biển Bắc B. Biển Măng-sơ

C. Biển Ban-tích D. Biển Ti-rê-nê

**Câu 91**: Trong thị trường chung châu Âu, các nước thành viên được hưởng lợi nhất từ tự do lưu thông hàng hóa là

A. được bán phá giá các mặt hàng nông sản. B. không chịu áp lực cạnh tranh.

C. không phải chịu thuế giá trị gia tăng. D. có thị trường tiêu thụ nội địa lớn.

**Câu 92:** Đâu không phải là ý nghĩa tích cực của việc sử dụng đồng tiền chung ơ-rô ở EU?

A. xóa bỏ cách biệt kinh tế - xã hội giữa các nước B. nâng cao sức cạnh tranh của thị trường

C. xóa bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ D. tạo thuận lợi cho việc chuyển giao vốn

**Câu 93**: Một chiếc ô tô của I-ta-li-a bán sang các nước EU khác không phải nộp thuế là biểu hiện:

A. Tự do lưu thông hàng hóa B. Tự do di chuyển

C. Tự do lưu thông dịch vụ D. Tự do lưu thông tiền vốn

**Câu 94:** Đặc điểm nào sau đây không đúng với thị trường chung châu Âu?

A. Quyền tự do đi lại, cư trú, chọn nghề của mọi công dân được đảm bảo.

B. Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán ngày càng được tăng cường.

C. Các nước EU có chính sách thương mại chung khi buôn bán với các nước ngoài ngoài khối.

D. Sản phẩm của một nước được tự do buôn bán trong thị trường chung.

**Câu 95:** Nhờ sử dụng đồng tiền chung châu Âu, các nước thành viên EU hạn chế được  
A. sức cạnh tranh của hàng nhập. B. thời gian khi chuyển giao vốn.

C. hàng rào thuế quan của các nước. D. rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

**Câu 96:** Việc hình thành thị trường chung châu Âu tạo thuận lợi gì cho các hãng vận tải hoạt động ở châu Âu?  
A. Tiết kiệm nhiên liệu khi vận chuyển. B. Giảm thời gian qua các biên giới.

C. Bắt buộc nhằm tránh nguy cơ xung đột. D. Tự nguyện vì mục đích bảo vệ hòa bình.

**Câu 97**: Việc chuyển đổi sang đồng tiền Ơ-rô sẽ gây nên tình trạng khó khăn nào sau đây?

A. thu hút đầu tư nước ngoài B. giá cả tiêu dùng tăng cao, lạm phát tăng.

C. tỉ lệ thất nghiệp ngày càng tăng D. chậm chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế

**Câu 98:** Nhận định nào sau đây không đúng về số nước coi đồng tiền chung châu Âu (Ơ –rô) là đơn vị tiền tệ chính thức trong giao dịch, thanh toán?  
A. Tất cả các nước thành viên đều sử dụng đồng tiền chung Ơ –rô.

B. Vẫn còn 8 nước thành viên chưa tham gia.

C. Hiện đã có 19 nước thành viên tham gia.

D. Một số nước không thuộc EU cũng đã tự quyết đinh chọn Ơ – rô làm tiền tệ chính thức.

**Câu 99:** Đường hầm giao thông dưới biển Măng – sơ nối trực niếp nước Anh với nước nào?

A. Tây Ban Nha. B. Đức. C. Pháp. D. Thụy Điển.

**Câu 100:** Trong thị trường chung châu Âu, các nước thành viên được hưởng lợi nhất từ tự do lưu thông hàng hóa là

A. được bán phá giá các mặt hàng nông sản. B. không chịu áp lực cạnh tranh.

C. không phải chịu thuế giá trị gia tăng. D. có thị trường tiêu thụ nội địa lớn.

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1**: Giải thích câu nói: trong bảo vệ môi trường cần tư duy toàn cầu, hành động địa phương?

**Câu 2:** Phân tích những thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Hoa Kì?

**Câu 3:** Giải thích nguyên nhân và phân tích ảnh hưởng của sự gia tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế Hoa Kì?

**Câu 4:** Nhận xét và giải thích sự phát triển,phân bố công nghiệp Hoa Kì

**Câu 5:** Vì sao Eu thiết lập thị trường chung trong khối? Việc hình thành thị trường chung Châu Âu và đưa vào sử dụng đồng tiền chung có ý nghĩ như thế nào đối với việc phát triển EU

**Câu 6:** Kĩ năng biểu đồ cột, tròn